

Hoàng Liên Sơn

Trời đã về chiều, giầy Hoàng Liên Sơn chuyển từ màu xanh ngắt sang tím nhạt rồi tím sẫm theo ánh nắng tắt dần. Vài đám mây thành màu mỡ chó vắt ngang qua khung trời màu vàng cam pha nâu đậm. Sương chiều đã bắt đầu loang ra từ thung lũng xa xa và dần dần bao phủ vạn vật.



Đức và các bạn vừa được chuyển trại từ Hà Nam Ninh lên đây đã được hơn một tháng. Từ khi trình diện cải tạo, Đức đã 4 lần chuyển trại, hai lần ở trong Nam sau đó lên tàu ra Bắc. Dù rằng đã quen với sự đói khát và cực khổ của đời sống tù đầy lao động, nhưng cái lạnh giá buốt của miền sơn cước thực là khó có thể làm quen. Nhà giam trống trước, trống sau những phen nửa hay lá tranh chỉ che được phần nào cơn gió đông phong từ miền Bắc thổi về. Còn cái lạnh hình như từ lòng đất chui lên qua lớp

áo mỏng phong phanh, thấm vào da thịt chỉ còn lớp xương và da. Lớp mỡ độn xưa kia đã biến mất từ lâu kể từ khi không còn thịt cá. Bây giờ, ngay cả vài bát cơm gạo hầm cũng trở thành cao lương mỹ vị. Chăn chiếu không đủ ấm, nên Đức cảm thấy lạnh từ trong xương tủy lạnh ra. Thế mà người nào đó đã nói rằng “cái lạnh của thể xác không thể nào thấm thía bằng cái lạnh của tâm hồn.” Chắc chắn đây chỉ là cảm nghĩ của những người đã cơm no áo ấm, chứ không phải ở trong tình trạng đói rét liên miên như Đức và đồng đội.

Trần trọc suốt đêm, Đức và anh bạn nằm bên phải ôm nhau cố mà ngủ cho quên cái đói và cái lạnh. Nhưng rồi đêm cũng tàn dần và ánh bình minh le lói cũng xua tan bớt cái lạnh. Xa xa ngọn núi Phăng Xi Phăng (Fansipan) với đỉnh cao 3145 thước đã hiện lên trên nền trời hồng nhạt. Đây là ngọn núi cao nhất trong rặng Hoàng Liên Sơn, đoạn cuối cùng của giầy Hy Mã Lạp Sơn.

Tiếng keng vang ra từ một đoạn thanh sắt đường xe lửa thúc dục mọi trai viên ra điễm danh tập họp và sau bữa cháo loãng, đoàn tù lặng lẽ cất bước vào rừng chặt tre và mây. Những cánh rừng bao quanh chân núi, phần lớn toàn là những khóm tre gai, tre bương, giang, nứa và mây mọc đan kẽ với nhau, có chỗ dày đến nỗi chó chui không lọt. Chỉ tiêu ấn định mỗi người: 50 cây một ngày. Dao cùn, sức yếu vì đói ăn, vì lạnh lại thêm tre mọc giao cành cho nên không ai đạt nổi. Sau đó rút xuống còn 30 cây, vậy mà mặc dầu công an và quân giáo hò hét, thúc dục mà vẫn khó lòng thực hiện. Chân tay người nào cũng bị dộp phỏng hay rớm máu vì gai, vì lớp vải quần tay quá cũ đã rách bươm.

Vừa mới ra khỏi trại chừng trăm thước, bỗng có tiếng quát:

Phạm Trọng Đức ở lại lên Ban làm việc.

Bước ra khỏi hàng, Đức cúi đầu theo chân người công an trở về phía cổng và leo lên mấy bậc thềm gồm cả tre lẫn gỗ đóng xuống đất cho khỏi trơn trượt, tiến đến khu nhà dành cho các giám thị. Tới cửa, người công an dừng lại và nói to:

Báo cáo! Phạm Trọng Đức đã đến!

Vào đi!

Tiếng một người đàn bà vọng ra làm Đức ngạc nhiên. Từ ngày nhập trại Đức chỉ thấy những

công an áo vàng thấp thoáng trên căn nhà của bộ chỉ huy trại. Bước vào căn phòng làm việc, sau chiếc bàn bằng gỗ mộc đơn sơ, một người đàn bà trong sắc phục công an với quân hàm Đại úy. Chỉ một cái ghé đầu phía trước, người đàn bà nhẹ nhàng nói:

Anh là Phạm Trọng Đức có phải không?

Dạ! Thưa cán bộ tôi là Phạm Trọng Đức!

Ngồi đi anh Đức, tôi xem bản khai báo của anh thấy anh chưa thành khẩn khai đúng sự thực. Vậy tôi muốn anh thành thực khai lại.



Nhìn người đàn bà, một thiếu phụ đúng hơn, khoảng chừng 35 tuổi, nhan sắc khá đẹp so với những phụ nữ miền Bắc, con mắt sắc như dao, nét mặt lạnh lùng, tóc cắt ngắn, không phấn son trang điểm và cũng không một trang sức nào cả. Đức vội thưa:

Thưa cán bộ, tôi đã thành thực khai báo không dám dấu diếm điều gì cả.

Anh nói rằng anh sinh ra và lớn lên ở thị trấn Quảng Yên vậy thì nhà trước mặt nhà anh là nhà ai? Nhà đó có mấy người con? Tên là gì? Rồi làm sao anh lại vào Nam và theo Ngụy? Tôi muốn nghe anh nói lại, đừng bỏ sót một chi tiết nào cả.

Thưa cán bộ, trước mặt nhà tôi là nhà ông giáo Văn, ông bà giáo có 4 người con. Hai mươi một năm qua tôi không còn nhớ hết tên, nhưng người con gái áp út, tôi nhớ tên là Hạnh vì cô ta chơi thân với Thu Thảo, em gái của tôi. Năm 1954, khi quân Pháp rút lui khỏi thị trấn, gia đình tôi thuộc thành phần tư sản nên phải theo họ vào Nam. Năm 1962, tôi bị động viên vào trường Sĩ quan trừ bị và bị lưu ngũ cho đến ngày mất nước...

Mặt người giám thị đành hắt lại và bảo:

Hãy coi chừng lời nói của anh! Tại sao anh lại nói là mất nước? Anh phải nói là ngày giải phóng khỏi ách Mỹ Ngụy chứ! Thôi được! Anh về đi, chúng tôi sẽ cho điều tra lại xem anh có thành khẩn khai báo không.

Mấy hôm sau Đức lại được gọi lên gặp viên Đại úy phó trưởng trại. Trong khi chờ đợi Đức thấy ngoài hàng hiên treo đầy những nhánh phong lan hình như vừa mới bóc ở trong rừng ra, nhánh đã nở hoa, nhánh còn đơm phong nhụy. Đang say sưa ngắm những bông hoa đẹp của núi rừng, bỗng có tiếng nói sau lưng:

Anh có biết gì về những cây lan này không?

Quay lưng lại, đó là người đàn bà hôm nọ và viên Thiếu tá trưởng trại.

Dạ tôi cũng biết đôi chút!

Thân phụ Đức vốn dĩ đã yêu thích hoa lan từ ngày còn ở Quảng Yên, nhưng thời đó ông chỉ có vài cây lan thuộc loại trường kiếm hay đoản kiếm gì đó, họa hoằn mới có một vài cây lan khác lạ. Khi định cư tại Bảo Lộc, nơi đây có những thổ dân người Chăm, người Thượng đem bán những nhánh phong lan đẹp để lạ lùng, ông mua về chơi. Mới đầu chỉ là một thú vui chơi nho nhỏ, sau trở thành nguồn lợi chính cho gia đình. Thoạt tiên toàn là khách qua đường, sau đó những người chơi lan từ Saigon cho đến các tỉnh xa xôi cũng tìm đến mua. Trong số đó có những người rất am tường về lan cho nên Đức cũng học hỏi được nhiều điều.



Sau này, trong suốt thời gian tại ngũ, đơn vị của anh di chuyển từ Ban Mê Thuột đến Di Linh, rồi Kon Tum, Pleiku, cho nên Đức được biết thêm nhiều giống lan khác nữa. Chỉ vào những khóm lan lan quen thuộc, anh kể tên vanh vách nào là Hoàng Kiếm Lan, Giáng Hương, Tố Tâm, Kim Điệp, Tam Bảo sắc v.v... làm cho nét mặt hai người giám thị trở nên rạng rỡ hẳn lên.

Kể từ hôm đó, Đức không phải đi lao động và lên bộ chỉ huy trại nhận công tác hàng ngày. Công việc của Đức là cùng một anh công an vào rừng kiếm lan mang về và trông nom săn sóc những cây lan đó. Nhờ được phép ăn uống theo chế độ của giám thị khá hơn và có thêm quần áo ấm, sức khỏe của Đức hồi phục nhanh chóng cho nên việc trèo cây kiếm lan chỉ là việc nhỏ. Những cây lan đẹp được viên trại trưởng mang làm quà cho thượng cấp, còn phần lớn mang bán ra bên ngoài. Đây là một mối lợi khá lớn bởi vì trong rừng đây rẫy những khóm phong lan đủ loại. Khu rừng cấm này lại thuộc phạm vi trại cải tạo, dân chúng không được phép lai vãng, dù chỉ vào rừng để kiếm củi hay măng nấm.

Trong khu rừng tre mây bao bọc dưới chân giãy Hoàng Liên Sơn có những khóm Nữ Hải như Hải Vân, Hải đốm, Hải tía. Trên sườn núi cao toàn là những loài phong lan chưa từng thấy ở miền Trung Nam bộ. Lúc rảnh rỗi anh đem những nhận xét và chút kiến thức thu nhặt được trong tiểu thuyết của Kim Dung đặt tên cho những cây lan cho thêm văn vẻ hơn.

- Lan Tai trâu gọi là Ngọc Điểm Đại Châu vì hình dáng bông hoa như một chuỗi châu ngọc có những điểm tím hồng. (Đại châu = Chuỗi ngọc.)
- Vân hải nên đổi lại thành Cẩm Vân Hải.
- Hải hồng thành Hồng Phần Hải.
- Hải tía thành Ý Lan Hải.
- Hoàng thảo u lồi thành Tứ Bảo Sắc cho hợp với bốn màu trắng, tím, vàng và đen.
- Hải đốm thành Vạn Điểm Hải.



Những người quản giáo chăm chú và vô cùng thích thú khi nghe Đức thảo thảo thuyết giảng về tên những giống hoa lan khác. Nếu có 1 hoa nên gọi là Đệ nhất mỹ nương, 2 hay 3 hoa là Nhị Kiều, Tam hiệp nữ v.v...

Một đôi khi Đức được phép nói chuyện về hoa lan cho các quan chức yêu chuộng giống hoa lan này và dần dà Đức được tự do đi lại, nhưng tới đến vẫn phải trở về trại ngủ chung với các đồng đội. Mới đầu các bạn tù nghi kỵ Đức làm tay sai cho ban quản giáo nhưng sau đó, chẳng có chuyện gì khả nghi và thỉnh thoảng Đức lại mang trà, đường, thuốc lào về cùng nhau bồi dưỡng cho nên mỗi nghi kỵ dần dần được xóa bỏ.

Thỉnh thoảng viên phó trưởng trại cũng theo hai người vào rừng để kiểm lan và tăng cường kiểm soát. Một hôm, bỗng nhiên viên Đại úy gọi Đức lại gần và hỏi:

Thu Thảo bây giờ ở đâu và có mấy con rồi?

Đức còn đang ngỡ ngác, người nữ giám thi đã tiếp:

Anh không nhận ra tôi sao anh Đức? Tôi là Hạnh đây mà!

Cán bộ là cô Hạnh đó ư? Xin lỗi tôi đã không nhận ra.

Đức không thể nào ngờ được cô bé Hạnh năm xưa còn nhí nhảnh đòi anh bắt bướm, mua ô mai gừng hay kẹo lạc, nay lại là người công an trong trại. Chưa rõ ý định của người giám thi, Đức chỉ kể sơ qua tình trạng gia đình: cha mẹ đã qua đời, Thu Thảo bây giờ sống với chồng con ở Biên Hòa và 2 vợ chồng đều là giáo viên. Hạnh cũng kể rõ mọi chuyện trong gia đình nàng.

Ông giáo Văn hiện nay là Tỉnh ủy tỉnh Lai Châu. Hai anh của nàng và chồng nàng đều đi B và đã hy sinh trận mưa bom do B52 rải dọc theo giãy núi Trường Sơn. Hạnh theo học trường Đại học Công An và được bổ nhiệm đến trại giam dưới quyền người trại trưởng là học trò cũ của cha nàng.

Kể từ đó, gần như mỗi tuần vài ngày Hạnh lại theo Đức và người công an vào rừng tìm lan. Dường như hiểu tình ý của người chỉ huy cho nên anh công an luôn luôn tìm cách lảng xa cho hai người trò chuyện. Thấy Hạnh có vẻ thực tình cho nên Đức không dấu diếm chuyện vợ con của chàng và kể cả những thực trạng của miền Nam, đời sống trong quân ngũ và thêm vào đó cảm nghĩ của chàng với đám cố vấn Mỹ phần đông ngu ngơ với chiến trường nhưng lại hay lên mặt đàn anh viện trợ.

Nghe Đức kể chuyện, Hạnh đắm chiêu, suy nghĩ và có lúc tâm trạng như mơ màng ở tận đâu đâu. Gần bên Đức, nhiều lúc Hạnh buồn vui bất chợt. Nàng cảm thấy sự thực quá phũ phàng. Người đứng bên kia chiến tuyến lại là người Hạnh quý mến từ lâu. Tính tình của những người này có vẻ thực thà, tuy là những kẻ bại trận nhưng đa số có phong cách không quy lụy uơ hèn, không có sự gian dối hay sảo trá và cũng không có sự căm thù sôi sục như đoàn, đảng đã từng giáo huấn và nhắc nhở nàng phải luôn luôn đề cao cảnh giác. Hạnh cảm thấy đau buồn, chua xót cho thân phận con người sinh ra trong thời loạn. Những người lính hai bên, tất cả chỉ là những con thiêu thân cho chủ nghĩa ngoại lai, là những vật hy sinh cho tham vọng điên cuồng, gây nên cảnh nổi da nẫu thịt và huynh đệ tương tàn làm cho quốc phá gia tan. Từ chỗ cảm mến đến chuyện bội phục và chuyện tình nam nữ tự nhiên không rủ cũng tới.

Thấy Hạnh mỗi ngày đều tìm cách vào rừng trò chuyện với Đức, viên Thiếu tá trưởng trại đã nhiều lần gọi Hạnh lên kiểm thảo. Hắn tìm đủ mọi cách can ngăn, nhưng Hạnh vẫn bỏ ngoài tai. Hắn không dám làm dữ vì nể sợ quyền oai và uy thế của cha nàng cho nên đành bỏ một ngày lên Lai Châu báo cáo. Sau đó Hạnh được cấp tốc điều động đến một nơi khác.

Mấy tháng sau, khi Đức được tha về, mới hay vợ chàng đã đem hai con vượt biển. Nàng bị hải tặc ô nhục và bị quăng xác xuống biển còn con chàng biệt vô tung tích.

Đời sống của dân chúng Saigon trong thời bao cấp từ thực phẩm thuốc men mọi thứ đều khan hiếm. Ai ai cũng trong tình trạng thiếu thốn còn nói gì đến những người tù cải tạo vừa được tha về. Bích Lan, người hàng xóm cũ cũng có chồng chết trong trại cải tạo, thấy chàng quá túng thiếu và chật vật trong việc kiếm sống hằng ngày đem lòng thương hại trợ giúp và sau đó hai người cùng nhau chung sống. Ngày ngày Bích Lan buôn bán quần áo cũ còn Đức thuê chiếc xích lô đạp làm phương kế sinh nhai.

Đức còn nhớ hôm đó anh đón một người thanh niên quần áo và điệu bộ có vẻ như người ở nước ngoài mới về thăm quê hương. Người thanh niên hỏi:



Về cầu Tân Thuận bao nhiêu?

Xin ông cho 15 ngàn!

Lúc bước xuống xe, khách móc tiền trả nhưng tìm mãi trong ví không còn tiền Việt, chỉ có tờ 5 đồng đô la là nhỏ nhất. Trao tận tay cho Đức, người khách nói:

Thôi tặng anh số tiền nhỏ này!

Đức cảm động, lí nhí cảm ơn và nhìn người khách có dáng dấp quen quen. Bỗng nhiên người khách thốt lên:

Trời ơi! Ông thầy! Có phải ông thầy đó không? Em là Tân đây mà! Thằng Tân đàn em của ông đây!

Hai thầy trò ôm nhau mà khóc. Tân là người đã đi theo Đức mười mấy năm trời, cùng nhau vào sinh ra tử. Từ ngày còn làm tà lợt cho Đức ở trung đội rồi lên tới trung đoàn, mặc dầu sau nhiều lần thăng cấp hẳn ta vẫn theo Đức như hình với bóng. Người lính cũ này đã may mắn lên được chiếc tàu còn tanh mùi cá, khi mọi người cùng chạy ra biển và được Hoa Kỳ tiếp nhận. Hôm nay Tân trở về tìm người mẹ và người chị ruột.

Nhờ số tiền Tân giúp đỡ, Đức mua hẳn chiếc xe và nhờ vào đó, cuộc sống của Đức đỡ túng quẫn hơn. Ba năm sau, Đức và Bích Lan sang Hoa Kỳ theo diện H.O. do Tân bảo lãnh. Nhờ cần cù chịu khó, bất chấp công việc lao động nặng nhọc, chẳng nề hà rằng chàng đã mấp mé cái tuổi 60 cho nên đời sống đã sớm ổn định. Cuộc đời hạnh phúc tưởng như mãi đời, mãi kiếp trên mảnh đất quê hương mới, nhưng định mệnh phũ phàng, cái định mệnh từ lâu đã lẻo đẻo theo đuổi chàng từ tháng tư đen tối giáng xuống. Bích Lan, người đã chia xẻ ngọt bùi với chàng trong hoàn cảnh khốn khó, đã bị chứng ung thư hiểm nghèo và qua đời sau vài tháng chữa trị. Đức gần như mất hẳn lẽ sống, chàng vật vờ ăn ngủ, như một kẻ mộng du...

Năm 2000 đánh dấu một thiên niên kỷ, Đức trở về cố hương. Chàng muốn nhìn lại quê hương thân yêu một lần chót, trước khi nhắm mắt lia đời bên phương trời xa lạ. Thân thích chẳng còn ai gần cận, chàng về Saigon rồi lên Bảo Lộc. Bạn bè đều đã tuyệt tích nơi nao hoặc nắm xương tàn đã tan vào lòng đất. Chàng ra Quảng yên, nhà cửa, phố xá ngồn ngang, xe cộ dập diu người như kiến cỏ. Hỏi thăm gia đình những người hàng xóm cũ, chẳng còn ai biết đến. Thành phố đã đổi khác, chẳng còn tìm đâu thấy dấu vết của thời niên thiếu xa xưa. Mọi thứ đều thay đổi, ngay cả giọng nói của người dân nay cũng khác, khác từ thanh âm cho đến từ ngữ. Bây giờ người ta văng tục hơn xưa, hình như coi đó là chuyện tự nhiên và nói rất vô tư thoải mái. Những tiếng nói tục tằn đó thốt ra từ cửa miệng các cô con gái xinh đẹp hay bà bán hàng rong hay một ông cụ già làm cho Đức thêm hối tiếc cho một thời xa xưa vang bóng.

Tiền đường, Đức lên Cao Bằng thăm thác Bản Giốc, một thác nước coi như là đẹp nhất trong những thác nước của Việt Nam. Sau đó, chàng trở về Hà Nội, đáp tàu hỏa lên Lào Cay để nhìn thấy tận mắt Sa Pa, một nơi nghỉ mát của người Pháp trong thời kỳ bảo hộ và thăm lại Hoàng Liên Sơn, nơi chàng đã cùng các bè bạn sống những tháng ngày đói rét, cơ cực. Cũng đoàn xe lửa năm đó, đoàn tàu đã đưa những người lính ngự tới nơi học tập, nhưng những toa tàu năm nay đã khác hẳn. Năm xưa, Đức và đồng đội đã phải chen chúc nằm trên sàn xe bản thủ, chật chội. Cửa đóng kín mít gần như ngộp thở nhưng bọn Đức vẫn còn nghe tiếng ai đó hô hào thúc dục đá đảo, tiếng chửi rủa thô tục và tiếp theo đó tiếng những viên đá ném choang choang vào thành tàu. Năm nay, Đức nằm trong toa tàu với giường nệm tuy không được sạch sẽ thơm tho, nhưng còn bằng chán vạn ngàn lần khi trước. Năm nay tuy không có ai đá đảo và ném đá, nhưng tại sao cửa sổ lại có lưới thép bao che? Tiếng bánh sắt nghiêng vào đường rầy, tiếng những toa tàu va chạm vào nhau rầm rầm tạo thành một thứ âm thanh hỗn tạp đều đều một nhịp điệu nhưng cũng đưa Đức vào giấc ngủ.

Phạm Trọng Đức lên Ban làm việc!

Đức vội choàng ngồi dậy, tàu đã đến Lao Cay. Anh vội đáp chuyến xe nhỏ 15 chỗ lên Sa Pa theo lộ trình đã định. Những ngày hôm sau, chàng theo đoàn du lịch đi thăm thác Cát Cát và những ngôi nhà của người dân tộc H'mong hay Dao rồi lên núi Hàm Rồng.



Đức sững sờ trước vườn phong lan với những khóm lan đất khổng lồ ít khi thấy mà dân chúng ở đây gọi là Trần Mộng. Những cây lan này mọc đầy rẫy ở khu vực Hoàng Liên sơn với những chùm hoa thật dài, dài tới cả thước. Hoa màu hoàng kim rực rỡ lung linh trước gió. Năm xưa, chàng đã nói với Hạnh là chúng ta nên đổi tên là Hoàng Phi Hạc bởi vì bông hoa giống như những con hạc vàng bay phát phới, hay là Thập bát tiên cô. Chàng còn nhớ Hạnh đã hỏi:

Hoàng Phi Hạc nghe vẫn vẻ lắm! Còn tại sao lại Thập Bát Tiên Cô?

Đức trả lời đó là mượn ý của người Trung hoa, mà nhà văn Kim Dung đã tả về những hoa trà Thập bát đại học sĩ của nước Đại Lý. Hạnh lại hỏi tiếp:

Nếu dò hoa chỉ có 17 hoa thì sao?

Lúc đó thì phải mượn thêm một bông hoa Hạnh cho đủ số.

Đức thờ dài nghĩ tới Hạnh, không biết bây giờ nàng ở đâu và ra sao? Nhớ đến ân tình năm xưa chàng không khỏi bùi ngùi trong dạ. Chàng hỏi thăm và tìm đường đến trại giam năm cũ nhưng không ai biết ở đâu cả. Người dẫn đường địa phương cũng quả quyết trước kia không hề có trại

cải tạo ở vùng này. Chóng quá, chỉ mới mười năm qua mà thời gian đã xóa nhòa hẳn những vết xưa tích cũ. Đức đành lui thủ trở về khách sạn. Ngày hôm sau, đoàn du lịch đi thăm thác Bạc và Cổng trời tại biên giới 2 tỉnh Lao Cay và Lai Châu.

Đức chợt nhớ đến hôm được đặc ân theo Hạnh và viên Thiếu Tá trưởng trại lên chợ Cổng Trời. Đây là một ngôi chợ nhỏ ven đường, lèo tèo dăm ba quán hàng của người Kinh bán những đồ thực dụng còn người dân tộc bán các thứ thổ sản. Hôm đó trời lạnh thấu xương tủy, gió thổi vù vù, mây mù bao trùm cột mốc ghi cao độ 2047 thước. Thấy Đức suýt soa kêu lạnh, Hạnh chẳng ngại ngần cương vị quản giáo và tù nhân đã mua cho chàng một bát nước chè tươi và chiếc kẹo lạc mà hương vị thơm ngon đến hôm nay còn vương trên đầu lưỡi...

Mặc cho khách cùng đoàn ra chân thác Bạc chụp hình, Đức ghé vào một quán nước bên đường mong tìm lại được hương vị năm xưa. Người bán hàng là một người đàn bà nà dòng, áo bông dày cộm, khăn len quấn kín trên đầu, rót cho chàng bát nước màu vàng trong xanh từ chiếc ấm ủ kín trong giỏ đan bằng tre. Ủa! Tại sao cái giỏ này có vẻ quen thuộc quá, những chiếc nan đã lên nước vàng sậm nhưng còn thấy rõ những chữ H nổi dài vòng quanh miệng giỏ. Phải rồi, chính chiếc giỏ tre này, năm xưa Đức đã tự tay đan và tặng cho Hạnh. Nhìn kỹ lại người thiếu phụ này có những nét hao hao giống Hạnh, chàng run run hỏi:

Hạnh! Có phải Hạnh đây không?

Không! Tôi là Thục.

Tại sao bà lại có có chiếc giỏ ấm này?

Đó là của chị tôi để lại, mà tại sao ông lại hỏi như vậy?

Giữa lúc đó một chàng trai khoảng chừng 17- 18 xách vài khóm lan bước vào và nói:

Dì ơi! Hôm nay không có lan Hoàng Phi Hạc mà chỉ có vài nhánh Tứ Bảo Sắc mà thôi.

Hoàng Phi Hạc! Tứ Bảo Sắc! Con tim của Đức gần như nhảy ra khỏi lồng ngực, mắt chàng hoa lên như ngàn vạn chiếc pháo bông nổ tung, buồng phổi gần như nghẹt thở. Chàng cảm thấy trời đất quay cuồng, loạng choạng toan ngồi xuống chiếc ghế dài thấp lè tè nhưng đã mất thăng bằng. Người thanh niên vội bỏ cây lan xuống đất đỡ chàng ngồi xuống.

Xin bà cho tôi biết bây giờ bà Hạnh ở đâu?



Người đàn bà tên Thục sững sờ trong giây

lát rồi cho chàng biết là Hạnh đã mất cách đây 3 năm và hỏi tại sao chàng lại tìm đến Hạnh. Đức vội vàng vắn tắt kể lại chuyện xưa và Thục òa lên khóc kể rằng:

Khi Hạnh rời khỏi trại giam Hoàng Liên Sơn, nàng có về Lai Châu gặp cha và em gái lúc đó Thục là giáo viên cấp II. Hạnh nói rõ về chàng và chiếc bào thai trong bụng. Sự chuyện vỡ lở làm cho mất uy thế, cho nên ông Tỉnh Ủy đã bảo con gái làm đơn từ chức và giữ nàng ở trong nhà không cho ra bên ngoài. Phần vì sợ liên lụy cho cha, phần vì thai nghén hành hạ, phần vì buồn bã về chuyện của nàng và Đức không sao tìm ra lối thoát cho nên đành lòng thúc thủ. Muốn cho câu chuyện được bung kín từ đầu đến cuối, chính ông Tỉnh ủy đã xin cho Đức được tha về. Sau khi sinh đứa con trai, Hạnh gửi con cho em rồi vào Nam tìm Đức. Nhưng khi tìm được lại là lúc Đức đang chung sống cùng với Bích Lan, thế là Hạnh lặng lẽ ra về với nỗi ân hận, tủi hờn. Chỉ vào chàng thanh niên Thục nói:

Đây là đứa con ruột thịt của chị tôi để lại. Cháu tên là Phạm Trọng Hạnh Đức...

Hơn một năm sau, trên con đường từ Sa Pa đến Lai Châu khoảng gần chợ Cổng trời có một ngôi nhà hai tầng, nhỏ nhưng rất khang trang. Ngoài cổng có chiếc bảng mang 3 chữ: HẠNH LAN TRANG. Phía trước và hai bên toàn là những giàn phong lan treo trong giỏ tre hay bám vào những cành cây và những chậu lan khổng lồ trong trong những bồn bằng gỗ. Chủ nhân là một ông già râu tóc bạc phơ ngày ngày chăm sóc vườn lan, nếu không lại ngồi uống trà mát hướng xuống lòng thung lũng dốc sâu thăm thẳm.

Ông nhìn xuống khu rừng tre dưới chân núi. Ông muốn nhìn thấy những lán trại ngày xưa, ông muốn thấy những ngôi mộ hoang tàn của bạn bè, muốn nhớ lại những ân tình năm cũ. Nhưng ngoại trừ vào lúc ban trưa, còn suốt ngày sương mù bao phủ, ông chẳng nhìn thấy gì cả bởi vì cây rừng đã mọc kín và thời gian qua đã không còn để lại một chút dấu vết thương đau.

BÙI XUÂN ĐÁNG

